

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được chi chuyển nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia còn lại năm 2022 sang năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2479/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh phê duyệt phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương năm 2022 hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 56/TTr-STC ngày 21/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được chi chuyển nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu quốc gia còn lại năm 2022, với tổng số tiền **7.827.272.406 đồng** (Bảy tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm lẻ sáu đồng) sang năm 2023 để tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định.

(Chi tiết nội dung và nguồn kinh phí theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các cơ quan liên quan thực hiện chi chuyển nguồn kinh phí nêu tại Điều 1 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K20.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội Dung	Mã chương	Mã đơn vị sử dụng NSNN	Loại, khoản	Mã CT MTQG	Mã nguồn	Tổng số dự toán kinh phí được giao năm 2022	Số dự toán KP đã sử dụng năm 2022	Số dư dự toán kinh phí năm 2022 còn lại chưa sử dụng chuyển nguồn sang năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	5	6		7	8	9=7-8	10
	<u>TỔNG SỐ (A+B+C)</u>						<u>9.853.000.000</u>	<u>2.025.727.594</u>	<u>7.827.272.406</u>	
A	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						1.429.000.000	684.580.394	744.419.606	
1	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	424	1071379	098	00515	12	1.429.000.000	684.580.394	744.419.606	
B	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững						6.424.000.000	1.208.278.200	5.215.721.800	
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	424	1071379	338	00472	12	1.858.000.000		1.858.000.000	
2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững - Xây dựng định mức KTKT, Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, hỗ trợ việc làm bền vững	424	1071379	098	00474	12	3.642.000.000	616.118.200	3.025.881.800	
3	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình - Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	424	1071379	098	00477	12	924.000.000	592.160.000	331.840.000	
C	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới						2.000.000.000	132.869.000	1.867.131.000	
1	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu thị trường	424	1071379	098	00493	12	2.000.000.000	132.869.000	1.867.131.000	

Su

